TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2017/DS-PT
Ngày 29-9-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng gửi giữ tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Lê Quốc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8, 07 và 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/TLPT-DS ngày 18/7/2017 về tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 166/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Thanh D, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy H (Q), sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xã H, huyện V, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn L (L), sinh năm 1970; Nơi cư trú: Xã H, huyện V, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H, ông L: Luật sư Trần Minh H, Văn phòng luật sư G – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ văn phòng: Đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L.

(Ông D, bà H, ông L, bà M, Luật sư H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Trịnh Thanh D trình bày: Ngày 21/8/2016, vợ chồng ông nhận từ nhà máy T 500.000.000 đồng, khi về nhà do vợ ông là bà Huỳnh Thị M cất giữ, đến sáng ngày 23/8/2016 bà M đưa tiền cho ông lên V để cân nếp, sự việc này có ông Nguyễn Văn B chứng kiến. Khi đến V ông trả tiền nếp cho ông Nguyễn Văn R 176.655.000 đồng, đặt cọc tiếp cho một người không biết tên 2.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Thành S mượn 3.000.000 đồng, trả tiền bốc vác 2.800.000 đồng. Khi đến nhà bà Nguyễn Thị Thúy H thì ông đếm lại còn 315.000.000 đồng, có ông B biết do cộng sổ cùng ông. Ông gửi bà H giữ dùm ông số tiền này. Sau đó, ông uống rượu với chồng của bà H và ngủ lại tại nhà bà H. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 24/8/2016 ông yêu cầu bà H trả lại tiền ông đã gửi thì bà H cho rằng đã trả cho ông từ lúc nửa đêm ngày 23/8/2016 nên xảy ra tranh chấp. Nay, ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Lê Văn L trả số tiền 315.000.000 đồng đã nhận giữ vào lúc 18 giờ ngày 23/8/2016.

Theo bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Vào lúc 18 giờ ngày 23/8/2016 ông D có gửi cho bà giữ dùm bọc tiền đựng trong bọc ni lông màu đen, khi gửi giữ hai bên không lập văn bản và ông D cũng không nói là gửi bao nhiêu tiền, bà cũng không đếm lại tiền. Sau đó, bà đem tiền bỏ vào két sắt. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì ông D yêu cầu bà trả lại tiền nên bà lấy cái bọc đen của ông D đã gửi trước đó đưa cho ông D. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 24/8/2016 thì ông D lại yêu cầu bà đưa tiền nên hai bên xảy ra tranh chấp. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D vì bà đã trả tiền cho ông D vào lúc 23 giờ ngày 23/8/2016.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Lê Văn L trình bày: Ông là chồng của bà H, ông D là lái mua nếp còn ông là cò (người môi giới) mua nếp cho ông D. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/8/2016, ông D có hỏi gửi tiền nhưng ông không nhận vì không biết mật mã của két sắt và nói với ông D đợi vợ ông về gửi. Ông D cũng không nói với ông gửi số tiền bao nhiêu. Lúc ông D gửi tiền cho vợ ông thì ông cũng không biết. Khi ông uống rượu với ông D xong khoảng 23 giờ ngày 23/8/2016 thì ông D có đi ngang qua phòng vợ ông nhưng không biết để làm gì. Khi vào ngủ thì ông có nghe vợ ông nói ông D đã lấy tiền lại. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 24/8/2016 sau khi ông chở ông D đi uống cà phê về nhà, ông D kêu vợ ông đưa tiền thì vợ ông nói đã đưa rồi nên hai bên tranh cãi, ông báo Công an xã can thiệp.

Bà Huỳnh Thị M trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông D về nguồn gốc số tiền 315.000.000 đồng. Số tiền này là tài sản chung của vợ chồng bà. Việc ông D gửi tiền cho bà H thì bà không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 11/5/2017, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Thanh D. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Lê Văn L phải trả cho ông Trịnh Thanh D số tiền 315.000.000 đồng.

Ngày 24/5/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Lê Văn L kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Trần Minh H trình bày:

Về tố tụng: Các bản khai, đơn khởi kiện của ông D xác định ngày giao tiền là ngày 22/8/2016, nhưng biên bản đối chất và một số bản khai tại Công an và Tòa án thì ông D lại xác định ngày giao tiền là ngày 23/8/2016. Tại phiên tòa, ông D lại xác định ngày giao tiền cách 01 ngày kể từ ngày ông nhận số tiền 500.000.000 đồng từ nhà máy. Bản án sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này. Ông B là người làm thuê cho ông D nên ông B sẽ có khả năng không khách quan khi làm chứng cho ông D và làm chứng có lợi cho ông D nên không chấp nhận tư cách người làm chứng của ông B vì ông B có quan hệ lệ thuộc ông D. Lời trình bày của ông M có mâu thuẫn về mô tả màu sắc bên ngoài của bọc tiền đem gửi.

Về nội dung: Điều 560 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: Tiền là tài sản có giá trị, ông D khi giao số tiền lớn thì phải báo rõ cho bà H biết số lượng, chủng loại, thời gian trả lại tài sản, nếu xảy ra hư hỏng thì chịu trách nhiệm. Các bên đã thừa nhận việc giao nhận tài sản không lập văn bản nên Bản án sơ thẩm buộc bà H chứng minh đã giao lại tiền là không hợp lý. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông D có nghĩa vụ chứng minh là đã gửi tiền cho bà H. Ông D chỉ dựa vào xác nhận của ông B và ông M để chứng minh có gửi tiền cho bà H là không có căn cứ vì ông B khai mâu thuẫn, ngày 10/9/2016 khai ông D gửi tiền cho bà H, ngày 07/12/2016 lại khai gửi cho ông L; đối với ông M thì khai không biết ông D đưa bao nhiêu tiền và không biết có phải là tiền hay không. Ông D không chứng minh được đã gửi đúng số tiền 315.000.000 đồng, chỉ có lời khai của ông B là không đủ sức thuyết phục. Bản án sơ thẩm còn buộc ông L liên đới trả là không đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình vì ông L không trực tiếp nhận gửi giữ. Ngoài ra, cơ quan điều tra xác định không đủ căn cứ bà H chiếm giữ số tiền của ông D. Ông D uống rượu say thì có khả năng không nhớ đã nhận lại tiền, ông B có ra ngoài lúc ông D ngủ, Tòa án sơ thẩm chưa cho đối chất làm rõ. Do đó, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông D.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Lê Văn L trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với ý kiến của Luật sư cho rằng Bản án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng là không đúng,

vì mặc dù ông D trình bày thời gian gửi tiền có mâu thuẫn nhưng chính bà H đã thừa nhận ông D có giao bà giữ 01 bọc tiền, hai bên chỉ tranh chấp về số tiền gửi là bao nhiêu. Lỗi của bà H là không kiểm đếm tiền. Ông B làm chứng là không khách quan vì có mối quan hệ lệ thuộc với ông D. Bà H không có chứng cứ chứng minh đã trả lại tiền và bà trình bày trả tiền ngay sau khi ông D uống rượu là mâu thuẫn về thời gian, vì chính ông L thừa nhận sau khi uống rượu thì ông và ông D có uống trà. Do đó, cần xem xét lỗi trong vấn đề bồi thường số tiền 315.000.000 đồng vì cả hai ông D và bà H đều có lỗi khi không xác định số tiền gửi giữ nên mỗi bên phải chịu ½ thiệt hại. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm buộc ông L liên đới trả tiền là đúng vì mặc dù ông L không trực tiếp nhận giữ tài sản nhưng ông biết rõ việc bà H có nhận giữ tiền của ông D. Do đó, đề nghị sửa một phần án sơ thẩm, buộc bà H và ông L liên đới trả cho ông D số tiền 157.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L đúng luật theo quy định tại Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà H, ông L không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp chứng cứ mới.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Lê Văn L không đồng ý trả lại tiền cho ông D:

[2.1] Bà H thừa nhận vào khoảng 18 giờ ngày 23/8/2016, bà có nhận giữ của ông Trịnh Thanh D 01 bọc tiền (các bút lục 106, 110, 148, 151, 153). Căn cứ Điều 559, 564 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hợp đồng gửi giữ tài sản đã được xác lập giữa ông D – bên gửi tài sản và bà H – bên giữ tài sản. Do đó, không chấp nhận ý kiến của Luật sư H cho rằng vì ông D trình bày mâu thuẫn về mặt thời gian gửi tài sản, lời khai của người làm chứng có mâu thuẫn nên ông D phải có nghĩa vụ chứng minh đã gửi tài sản theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bà H cho rằng đã trả lại bọc tiền cho ông D vào lúc 23 giờ cùng ngày 23/8/2016 nhưng ông D không thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà H có nghĩa vụ chứng minh đã trả lại chính tài sản đã nhận giữ cho ông D, nhưng bà H lại không có chứng cứ gì chứng minh. Hơn nữa, việc bà H cho rằng lúc 23 giờ cùng ngày 23/8/2016 ông D lấy lại tiền, trong khi ông D vừa uống rượu xong và vẫn ngủ lại tại nhà của bà H là không hợp lý, vì tất cả các đương sự trong vụ án đều xác định mục đích ông D gửi bà H cất tiền vào két sắt là để đảm bảo an toàn về tài sản. Do đó, ông D yêu cầu bà H trả lại tài sản đã nhận giữ là có căn cứ.

[3] Về giá trị tài sản gửi giữ: Ông D, bà H thống nhất xác định ông D gửi bà H giữ 01 bọc tiền được bao bọc bởi túi nilong màu đen, cả hai đều không kiểm đếm số tiền trước khi giao nhận. Ông D xác định số tiền đã gửi là

315.000.000 đồng, gồm 8 cọc tiền có ràng thun, trong đó: 06 cọc, mỗi cọc gồm 100 tờ mệnh giá 500.000 đồng, thành tiền 300.000.000 đồng; 01 cọc gồm 100 tờ mệnh giá 100.000 đồng, thành tiền 10.000.000 đồng; 01 cọc gồm 8 tờ mệnh giá 100.000 đồng và 84 tờ mệnh giá 50.000 đồng, thành tiền 5.000.000 đồng. Tất cả tiền để trong 01 túi nilong màu xanh (loại túi của Ngân hàng Sacombank) và bọc thêm túi nilong màu đen bên ngoài. Đây là số tiền còn lại của số tiền 500.000.000 đồng mà ông D nhận từ nhà máy T sau khi ông D thanh toán các khoản tiền mua nếp, bốc vác trong ngày 23/8/2016. Thấy rằng:

[3.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngay sau khi sự việc tranh chấp xảy ra, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V cũng như tại Tòa án, ông D luôn trình bày nhất quán về nguồn gốc, đặc điểm bên ngoài của bọc tiền và chi tiết mỗi cọc tiền trong tổng số tiền 315.000.000 đồng đã gửi (bút lục 111, 112, 147, 151, 153).

[3.2] Theo xác nhận của ông Võ Văn L – Giám đốc Công ty TNHH T, vào ngày 21/8/2016 ông D có nhận số tiền 500.000.000 đồng của Công ty để đi cân nếp ở V (bút lục 41). Tại Biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn B do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập ngày 24/8/2016, ông B có nghe ông D nói vợ đưa 500.000.000 đồng lúc ông D đi V mua lúa và khi ông D trả tiền cân lúa ông B thấy có rất nhiều tiền mệnh giá 500.000 đồng (bút lục 101).

[3.3] Theo Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn R ngày 03/01/ 2017 và Biên bản đối chất ngày 02/3/2017 do TAND huyện V lập, đủ căn cứ để xác định trong ngày 23/8/2016 ông D đã chi trả các khoản tiền sau: trả cho ông Nguyễn Văn R 176.635.000 đồng, đặt cọc để cắt 01ha lúa nếp 2.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Thành S mượn 3.000.000 đồng, trả tiền bốc vác 2.800.000 đồng (bút lục 140, 146, 148).

[3.4] Ông D, ông B xác định khoảng 15 giờ ngày 23/8/2016, ông B cộng sổ, ông D đếm tiền sau khi chi trả các khoản cân nếp thì còn 315.000.000 đồng và vài trăm ngàn lẻ. Ông D, ông L, ông B, bà H thừa nhận từ sau khi ông D gửi bọc tiền cho bà H thì ông D luôn ở tại nhà của bà H, ông L đến sáng ngày 24/8/2016 (bút lục 100, 101, 102, 106).

[3.5] Tại các biên bản ngày 22/3/2017 và ngày 23/3/2017 do TAND huyện V lập (kèm theo các bản ảnh), bà H đã thừa nhận bọc tiền mà ông D gửi cho bà giữ có độ dày khoảng 10cm và có kích thước, hình dạng giống túi nilong màu đen thực nghiệm lại hình dạng của bọc tiền chứa đựng 08 cọc tiền như ông D mô tả (bút lục 161-166).

[4] Từ nhận định tại mục [3], đủ căn cứ xác định số tiền ông D đã gửi cho bà H giữ là 315.000.000 đồng. Mặc dù ông D không thông báo cho bà H biết số tiền đã gửi, nhưng tài sản gửi giữ trong vụ án này không bị tiêu hủy, hư hỏng do không được bảo quản thích hợp, nên không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc buộc ông D, bà H mỗi bên phải chịu ½ thiệt hại. Bác toàn bộ kháng cáo của bà H.

[5] Về trách nhiệm liên đới của ông L: Việc gửi giữ tài sản chỉ được xác lập giữa ông D và bà H. Bản án sơ thẩm buộc ông L liên đới cùng bà H trả lại tài sản nhận giữ là không đúng quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận ý kiến của Luật sư H, chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu trên số tiền phải trả cho ông D.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông L kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu. Bà H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 184, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 559, 560, 561, 562, 563, 564 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Toà án năm 2009; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H.
2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn L.
3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.
4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Thanh D.
5. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả cho ông Trịnh Thanh D số tiền 315.000.000 (ba trăm mười lăm triệu) đồng.
6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 15.750.000 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng sung công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho ông Trịnh Thanh D 7.875.000 (bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0004352 ngày 22/11/2016.
8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn L không phải chịu. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm

bà H đã nộp theo biên lai số 0004475 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

9. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
10. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 29 tháng 9 năm 2017./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục